

BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/2011/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2011

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Hy Lạp về khuyến khích bảo hộ đầu tư lẫn nhau, ký tại Hà Nội ngày 13 tháng 10 năm 2008, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2011.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA HY LẠP VỀ KHUYẾN KHÍCH
VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẤN NHAU

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Hy Lạp, sau đây gọi là "Các Bên ký kết",

Với mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế cùng có lợi của hai Nhà nước trên cơ sở dài hạn;

Nhằm mục đích tạo các điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết này trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

Thừa nhận rằng khuyến khích và bảo hộ đầu tư, trên cơ sở của Hiệp định này, sẽ thúc đẩy sáng kiến trong hoạt động đầu tư;

đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này:

1. "Đầu tư" nghĩa là bất kỳ loại tài sản được đầu tư bởi nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết sau, bao gồm cụ thể nhưng không chỉ là:

- a) Động sản, bất động sản và bất kỳ các quyền sở hữu nào khác;
- b) Cổ phần, cổ phiếu và giấy ghi nợ của công ty và bất kỳ hình thức tham gia nào khác vào công ty;
- c) Quyền đòi tiền hoặc bất kỳ việc thực hiện hợp đồng nào có giá trị kinh tế, cũng như các khoản vay liên quan đến khoản đầu tư, loại trừ;
 - i) Quyền đòi tiền phát sinh chỉ các hợp đồng thương mại bán hàng hóa và dịch vụ;
 - ii) Cung cấp tín dụng liên quan đến một giao dịch thương mại, như tài trợ thương mại.
- d) Quyền sở hữu trí tuệ;
- e) Tô nhượng quyền theo luật công, bao gồm tô nhượng để tìm kiếm, nuôi trồng, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên cũng như các quyền khác theo quy định của pháp luật, theo hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với pháp luật.

Việc thay đổi hình thức đầu tư đã được thực hiện không ảnh hưởng đến tính chất đầu tư của chúng.

2. "Thu nhập" có nghĩa là các khoản tiền thu được từ hoạt động đầu tư và bao gồm, cụ thể nhưng không chỉ là, lợi nhuận, lãi tiền vay, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, cổ tức, tiền bản quyền và các loại phí.

3. Nhà đầu tư đối với mỗi một Bên ký kết có nghĩa là:

a) Thẻ nhân có quốc tịch của Bên ký kết đó phù hợp với pháp luật của nước đó;

b) Pháp nhân hoặc các thực thể khác, bao gồm công ty, tập đoàn, các hiệp hội kinh doanh và hợp doanh, được thành lập hoặc tổ chức hợp lệ theo pháp luật của Bên ký kết đó và có các hoạt động kinh tế chủ yếu trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

4. "Lãnh thổ" có nghĩa:

a) Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là lãnh thổ đất liền, các đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà trên đó Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

b) Đối với Cộng hòa Hy Lạp, là lãnh thổ thuộc chủ quyền của Hy Lạp, bao gồm lãnh hải, cũng như các vùng biển mà ở đó, Cộng hòa Hy Lạp thực hiện quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán phù hợp với luật pháp quốc tế.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Hiệp định này được áp dụng cho đầu tư thực hiện trên lãnh thổ của một Bên ký kết, phù hợp với pháp luật của Bên Ký kết đó, kể cả bất kỳ yêu cầu về đăng ký hoặc chấp thuận nào, bởi các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, trước cũng như sau, khi Hiệp định này có hiệu lực.

Tuy nhiên, Hiệp định này không áp dụng cho bất kỳ tranh chấp nào đã phát sinh hoặc bất kỳ khiếu nại nào đã được giải quyết trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 3. Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết khuyến khích trên lãnh thổ của mình các hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia và tiếp nhận các khoản đầu tư đó phù hợp với pháp luật của mình.

2. Đầu tư và thu nhập của nhà đầu tư của một Bên ký kết sẽ luôn được dành sự đối xử công bằng và thỏa đáng và sẽ được hưởng sự bảo hộ và an toàn đầy đủ trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Mỗi Bên ký kết sẽ bảo đảm rằng việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc định đoạt, trên lãnh thổ của mình, các khoản đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, trong bất kỳ trường hợp nào sẽ không bị tổn hại bởi các biện pháp vô lý hoặc phân biệt đối xử.

Điều 4. Đối xử đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho đầu tư, bao gồm cả thu nhập, của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, một khi đã được thành lập trên lãnh thổ của mình, đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư của

nước mình hoặc đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào, tùy thuộc chế độ đối xử nào là thuận lợi hơn.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, đối với việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc định đoạt đầu tư của họ trên lãnh thổ của mình, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho các nhà đầu tư của nước mình hoặc các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào, tùy thuộc chế độ đối xử nào thuận lợi hơn.

3. Cho dù có khoản 1 và 2 của Điều này, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn có thể áp dụng các ngoại lệ đối với nguyên tắc đối xử quốc gia, phù hợp với pháp luật và trong khuôn khổ chính sách phát triển của mình.

4. Các quy định của khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không được hiểu là bắt buộc với một Bên ký kết dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào phát sinh từ:

a) Việc tham gia của Bên đó vào các liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, hiệp định hội nhập kinh tế khu vực hoặc hiệp định quốc tế tương tự đang tồn tại hoặc trong tương lai; hoặc

b) Bất kỳ hiệp định hoặc các thỏa thuận quốc tế nào hoặc bất kỳ pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế.

Điều 5. Tước quyền sở hữu

1. Đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, sẽ không bị tước quyền sở hữu, quốc hữu hóa hoặc chịu bất kỳ biện pháp nào khác có hệ quả tương tự như tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hóa (sau đây gọi là "tước quyền sở hữu"), trừ khi được tiến hành vì lợi ích công cộng, theo đúng trình tự pháp luật, trên cơ sở không phân biệt đối xử và được thanh toán đền bù nhanh chóng, thỏa đáng và hiệu quả. Khoản đền bù đó sẽ tương đương với giá trị thị trường của đầu tư bị ảnh hưởng ngay trước khi việc trưng thu được thực hiện hoặc công bố, tùy thuộc cái nào xảy ra sớm hơn, và sẽ được tự do chuyển ra nước ngoài bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

2. Cho dù có các quy định tại khoản 1, nhưng đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu nào liên quan đến đất đai sẽ được điều chỉnh bởi các luật và quy định của Việt Nam liên quan đến các điều kiện của việc tước quyền sở hữu và việc thanh toán đền bù.

3. Các quy định của khoản 1 và 2 của Điều này cũng sẽ áp dụng khi một Bên ký kết tước quyền sở hữu tài sản của một công ty được thành lập theo pháp luật hiện hành trên bất cứ phần lãnh thổ nào của Bên đó mà nhà đầu tư của Bên ký kết kia có cổ phần trong Công ty đó.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại

1. Nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, hoặc bạo loạn hoặc những sự kiện tương tự trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được Bên ký kết sau dành cho sự đối xử, liên quan đến hoàn trả, bồi thường, đền bù hoặc phương thức giải quyết khác, không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của họ hoặc dành cho nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào, tùy thuộc sự đối xử nào là thuận lợi hơn.

2. Không làm ảnh hưởng tới khoản 1 của Điều này, trong bất cứ tình huống nào nêu trong khoản đó, nhà đầu tư của một Bên ký kết bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phát sinh từ:

a) Việc trưng dụng đầu tư của họ hoặc một phần đầu tư của họ bởi lực lượng vũ trang hoặc bởi cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết sau, hoặc

b) Phá hủy đầu tư của họ hoặc một phần đầu tư của họ bởi lực lượng vũ trang hoặc bởi cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết sau, mà vượt qua sự cần thiết của tình hình,

sẽ phải được phục hồi hoặc đền bù ngay nhanh chóng, thỏa đáng và hiệu quả.

Điều 7. Chuyển tiền ra nước ngoài

1. Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép, đối với đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, việc chuyển ra nước ngoài không hạn chế đối với tất cả khoản tiền liên quan đến đầu tư.

Việc chuyển tiền ra nước ngoài sẽ được thực hiện không chậm trễ, bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, theo tỷ giá thị trường vào ngày chuyển ra nước ngoài, và phù hợp với bất kỳ trình tự hoặc thủ tục nào được áp dụng bởi Bên ký kết là chủ nhà.

2. Những khoản chuyển tiền này bao gồm, nhưng không chỉ là:

- a) Vốn đầu tư và vốn đầu tư bổ sung để duy trì hoặc gia tăng đầu tư;
- b) Thu nhập;
- c) Các khoản thanh toán vay nợ;
- d) Khoản tiền thu được từ việc bán hoặc thanh lý toàn bộ hoặc một phần đầu tư;
- e) Các khoản đền bù theo Điều 5 và 6;
- f) Các khoản thanh toán phát sinh từ giải quyết tranh chấp.

3. Mặc dù có khoản 1 và khoản 2, một Bên ký kết có thể ngăn cản hoặc trì hoãn việc chuyển tiền ra nước ngoài thông qua việc áp dụng các quy định của pháp luật của mình một cách bình đẳng, không phân biệt đối xử và thiện ý liên quan đến:

- a) Phá sản, mất khả năng thanh toán hoặc để bảo vệ quyền của chủ nợ;

- b) Phát hành, kinh doanh, hoặc buôn bán chứng khoán, các quyền trong tương lai, các quyền lựa chọn hoặc các công cụ phái sinh;
- c) Tội phạm hình sự và thu hồi tài sản do phạm tội hình sự;
- d) Báo cáo tài chính hoặc lưu giữ hồ sơ chuyên tiền khi cần thiết để hỗ trợ cho việc thi hành pháp luật hoặc các cơ quan quản lý tài chính;
- e) Sự đảm bảo thực thi trật tự hoặc các phán quyết trong thủ tục tố tụng hoặc thủ tục hành chính;
- f) Thuế;
- g) An ninh xã hội, hưu trí hoặc chế độ tiết kiệm bắt buộc; và
- h) Quyền lợi thôi việc của người lao động.

4. Trong trường hợp gặp khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán hoặc đe dọa về khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán, mỗi một Bên ký kết có thể tạm thời hạn chế chuyển tiền ra nước ngoài, với điều kiện là Bên ký kết đó thực hiện các biện pháp hoặc chương trình phù hợp với tiêu chuẩn của Quỹ Tiền tệ quốc tế. Những hạn chế này được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử và thiện ý.

Điều 8. Thế quyền

Nếu đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia được bảo hiểm chống lại các rủi ro phi thương mại theo hệ thống pháp lý về bảo hiểm, thì bất kỳ sự thế quyền của người bảo hiểm đối với các quyền của nhà đầu tư đó phù hợp với điều khoản bảo hiểm đó sẽ được công nhận bởi Bên ký kết kia, và không làm ảnh hưởng đến quyền của nhà đầu tư quy định tại Điều 10 của Hiệp định này.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết

1. Bất cứ sự tranh chấp nào giữa hai Bên ký kết liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể, sẽ được giải quyết bằng đàm phán thông qua đường ngoại giao.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết trong vòng 6 tháng từ khi bắt đầu đàm phán, theo yêu cầu của một Bên ký kết, sẽ được giải quyết bằng trọng tài.

3. Trọng tài theo vụ việc sẽ được thành lập như sau: Mỗi Bên tranh chấp sẽ chọn một trọng tài, và 2 trọng tài này sẽ cùng nhau thỏa thuận lựa chọn một công dân của một quốc gia thứ ba làm chủ tịch. Tất cả trọng tài phải được chỉ định trong vòng 3 tháng, chủ tịch trọng tài được chỉ định trong vòng 5 tháng kể từ ngày một Bên thông báo cho Bên kia về ý định muốn đưa tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài.

4. Nếu trong thời gian quy định tại khoản 3 của Điều này mà không thực hiện được những sự chỉ định cần thiết, một Bên ký kết có thể, trong trường hợp không

có bất kỳ thỏa thuận nào khác, mời Chủ tịch của Tòa án Quốc tế để tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Tòa án Quốc tế là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc vì những lý do khác mà không thực hiện được công việc nói trên, Phó Chủ tịch sẽ được mời để thực hiện các sự chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc vì những lý do khác mà không thực hiện được công việc nói trên, thành viên cấp cao tiếp theo của Tòa án Quốc tế mà không là công dân của một trong hai Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành các chỉ định cần thiết đó.

5. Tòa án sẽ quyết định trên cơ sở tôn trọng pháp luật, kể cả Hiệp định này và các hiệp định khác có liên quan giữa các Bên ký kết, cũng như các quy định và nguyên tắc được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế.

6. Trừ khi các Bên ký kết quyết định khác, trọng tài sẽ quyết định trình tự thủ tục của mình.

Trọng tài sẽ quyết định theo đa số. Quyết định này sẽ là cuối cùng và ràng buộc các Bên ký kết.

7. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí trọng tài do bên mình chỉ định và các đại diện của mình. Chi phí chủ tịch trọng tài cũng như các chi phí khác sẽ chia đều cho hai bên. Tuy nhiên, trong quyết định của mình trọng tài có thể chỉ định tỷ lệ chịu chi phí cao hơn cho một trong hai Bên ký kết, quyết định này sẽ ràng buộc cả hai Bên ký kết.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư và một Bên ký kết

1. Tranh chấp giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia liên quan đến nghĩa vụ của Bên ký kết theo Hiệp định này, đối với đầu tư của nhà đầu tư, nếu có thể, sẽ được giải quyết bởi các bên tranh chấp theo con đường hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết trong vòng 6 tháng kể từ ngày một Bên yêu cầu hòa giải, nhà đầu tư liên quan có thể đệ trình tranh chấp để giải quyết đến:

a) Tòa án có thẩm quyền của Bên ký kết mà trên lãnh thổ của Bên ký kết đó đầu tư được thực hiện, hoặc

b) Theo bất kỳ thủ tục giải quyết tranh chấp nào đã được thỏa thuận trước đó, hoặc

c) Trọng tài quốc tế.

Một khi nhà đầu tư đệ trình tranh chấp theo bất kỳ trình tự thủ tục nào ở trên, lựa chọn đó là cuối cùng.

3. Khi tranh chấp được đưa ra trọng tài quốc tế, nhà đầu tư liên quan có thể đệ trình tranh chấp đến:

a) Trung tâm quốc tế giải quyết tranh chấp đầu tư ("Trung tâm") thành lập theo Công ước giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Nhà nước và Công dân của Nhà nước khác, được mở ra để ký kết tại Washington D.C ngày 18/3/1965 ("Công ước

Washington"), để giải quyết theo thủ tục trọng tài hoặc hòa giải, nếu cả hai Bên ký kết là thành viên của Công ước Washington, hoặc

b) Cơ chế Phụ trợ của Trung tâm, nếu chỉ một Bên ký kết là thành viên của Công ước Washington, để giải quyết theo thủ tục trọng tài hoặc hòa giải, hoặc

c) Trọng tài theo vụ việc được thành lập theo quy tắc trọng tài Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên hợp quốc (U.N.C.I.T.R.A.L.).

Mỗi Bên ký kết tại Hiệp định này đồng ý việc đưa tranh chấp ra trọng tài quốc tế.

Thẻ nhân có quốc tịch của một Bên ký kết không thẻ kiện chống lại Bên ký kết đó theo quy định tại khoản này.

4. Trọng tài sẽ quyết định tranh chấp phù hợp với các điều khoản của Hiệp định này, với luật của Bên ký kết là một bên tranh chấp (bao gồm cả các quy tắc xung đột luật pháp của Bên ký kết đó) và các quy tắc của luật quốc tế có thể áp dụng. Quyết định của trọng tài sẽ là cuối cùng và ràng buộc cả hai bên tranh chấp. Mỗi Bên ký kết sẽ thực hiện không trì hoãn bất kỳ quyết định nào kể trên và sẽ thi hành quyết định này trên lãnh thổ của mình.

5. Trong quá trình tố tụng trọng tài hoặc trong quá trình thi hành quyết định của trọng tài, Bên ký kết liên quan sẽ không được phản đối trên cơ sở việc nhà đầu tư của Bên ký kết kia đã nhận đền bù theo hợp đồng bảo hiểm đối với tất cả hay một phần thiệt hại.

Điều 11. Áp dụng các quy định khác

1. Nếu các quy định của pháp luật của mỗi Bên ký kết hoặc các nghĩa vụ theo luật quốc tế hiện hành hoặc hình thành sau này giữa hai Bên ký kết ngoài những quy định của Hiệp định này, có quy định dù là áp dụng chung hay cụ thể, cho phép đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia được hưởng sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử quy định trong Hiệp định này thì những quy định đó, trong chừng mực thuận lợi hơn, sẽ được áp dụng.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ được tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào khác đã cam kết đối với đầu tư cụ thể nào của nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

Điều 12. Tham vấn

Khi cần, đại diện của các Bên ký kết sẽ tiến hành tham vấn về bất kỳ vấn đề nào ảnh hưởng đến việc thực hiện Hiệp định này. Những tham vấn sẽ được tổ chức trên cơ sở đề xuất của Bên ký kết tại địa điểm và thời gian do hai Bên thỏa thuận thông qua đường ngoại giao.

Điều 13. Hiệu lực, thời hạn và chấm dứt hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày các Bên ký kết thông báo cho nhau bằng văn bản, đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn 10 năm kể từ ngày trên.

2. Trừ khi có thông báo chấm dứt hiệu lực được đưa ra bởi một Bên ký kết ít nhất một năm trước ngày hết hạn hiệu lực, Hiệp định này sẽ được tự động gia hạn thêm từng 10 năm một. Mỗi Bên ký kết có quyền chấm dứt Hiệp định trên cơ sở thông báo ít nhất 1 năm trước ngày hết hạn của thời hạn hiệu lực hiện hành đó.

3. Đối với các khoản đầu tư được thực hiện trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này, các điều khoản của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong một khoảng thời gian là 10 năm kể từ ngày đó.

Làm tại Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2008 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Hy Lạp và tiếng Anh; tất cả các văn bản có giá trị như nhau.

Trong trường hợp có bất kỳ sự giải thích khác nhau nào thì bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở./.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Nguyễn Bích Đạt
Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA HY LẠP**

**Petros Doukas
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao**